QUẢN LÝ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG SỐ AN TOÀN CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC

Dương Thị Thuận
Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, Từ Liêm, Hà Nội
Email: Thuanlequydon@gmail.com
Lê Thị Xuân
Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, Từ Liêm, Hà Nội
Email: lexuan250580@gmail.com

Tóm tắt: *Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh lớp 4, lớp 5. Kết quả cho thấy học sinh đã bước đầu hình thành các kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân, tìm kiếm sự hỗ trợ và ứng xử phù hợp trên môi trường số; tuy nhiên, khả năng nhận diện rủi ro và quản lý thời gian sử dụng thiết bị còn hạn chế. Công tác quản lý đã được quan tâm ở các khâu lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo, nhưng hoạt động kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng bộ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện kế hoạch, nâng cao năng lực giáo viên, đa dạng hóa hoạt động trải nghiệm, tăng cường phối hợp gia đình – nhà trường và cải tiến công tác kiểm tra, đánh giá.*

Từ khóa: *quản lý giáo dục; kỹ năng sống số an toàn; học sinh tiểu học; chuyển đổi số giáo dục; an toàn số.*

MANAGEMENT OF SAFE DIGITAL LIFE SKILLS EDUCATION FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS IN THE CONTEXT OF EDUCATIONAL DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: *This study aims to assess the current status and propose management measures for safe digital life skills education for primary school students in the context of educational digital transformation at Le Quy Don Primary School. A questionnaire survey was conducted with school administrators, teachers, and students in Grades 4 and 5. The findings indicate that students have initially developed skills in protecting personal information, seeking support, and behaving appropriately in digital environments; however, their ability to identify online risks and manage screen time remains limited. Management practices have received attention in planning, organization, and implementation guidance, but monitoring and evaluation have not yet been carried out in a fully systematic manner. Based on these findings, the study proposes measures to improve educational planning, enhance teachers' professional capacity, diversify experiential learning activities, strengthen school–family collaboration, and improve monitoring and evaluation practices.*

Keywords: *educational management; safe digital life skills; primary school students; educational digital transformation; digital safety.*

Nhận bài: 15/07/2026 Phản biện: 08/08/2026 Duyệt đăng: 14/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục diễn ra mạnh mẽ, học sinh tiểu học ngày càng tiếp cận sớm với Internet, thiết bị thông minh, nền tảng học tập trực tuyến và các môi trường tương tác số. Bên cạnh những cơ hội mở rộng không gian học tập, tăng khả năng tiếp cận thông tin và phát triển năng lực số, quá trình này cũng đặt học sinh trước nhiều nguy cơ như lộ lọt thông tin cá nhân, tiếp xúc với nội dung không phù hợp, lừa đảo trực tuyến, bắt nạt trên mạng, lệ thuộc thiết bị và hình thành những hành vi giao tiếp thiếu an toàn trong môi trường số. Với đặc điểm tâm lý và nhận thức còn đang phát triển, học sinh tiểu học là nhóm đối tượng cần được trang bị sớm các kỹ năng sống số an toàn nhằm hình thành khả năng tự bảo vệ, ứng xử có trách nhiệm và sử dụng công nghệ một cách phù hợp.

Giáo dục kỹ năng sống số an toàn vì vậy không chỉ là nhiệm vụ của giáo viên trong từng môn học hoặc hoạt động trải nghiệm mà cần được quản lý một cách có hệ thống ở cấp nhà trường. Công tác quản lý cần bao quát từ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo chuyên môn, phối hợp giữa nhà trường và gia đình đến kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động giáo dục kỹ năng sống số an toàn ở tiểu học vẫn có nguy cơ được triển khai theo hướng lồng ghép, phân tán, thiếu tiêu chí đánh giá và chưa hình thành cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục.

Xuất phát từ yêu cầu đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng quản lý, xác định những hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả

giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh trong điều kiện nhà trường hiện nay.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tiểu học

Sự phát triển nhanh của công nghệ số đã mở rộng không gian học tập, giao tiếp và giải trí của học sinh, đồng thời làm gia tăng các nguy cơ liên quan đến quyền riêng tư, nội dung không phù hợp, lừa đảo trực tuyến, bắt nạt trên mạng và việc sử dụng thiết bị thiếu kiểm soát. OECD (2021) cho rằng trẻ em trong môi trường số có thể đối mặt với các nhóm rủi ro về nội dung, tiếp xúc, hành vi và tiêu dùng, bên cạnh các nguy cơ liên quan đến quyền riêng tư, sức khỏe và phúc lợi. Vì vậy, giáo dục học sinh sử dụng công nghệ không chỉ dừng ở kỹ năng vận hành thiết bị mà cần chú trọng khả năng nhận diện rủi ro, tự bảo vệ và ứng xử có trách nhiệm.

Ở Việt Nam, Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho người học đã xác định an toàn là một thành tố quan trọng của năng lực số, bao gồm bảo vệ thiết bị, dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, sức khỏe và môi trường số (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Trên cơ sở đó, trong nghiên cứu này, kỹ năng sống số an toàn được hiểu là khả năng vận dụng kiến thức, thái độ và hành vi phù hợp để học tập, giao tiếp và tham gia môi trường số một cách an toàn, có trách nhiệm; biết nhận diện nguy cơ, bảo vệ bản thân và tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.

Đối với học sinh tiểu học, việc giáo dục kỹ năng sống số an toàn có ý nghĩa đặc biệt vì khả năng phán đoán, kiểm soát hành vi và đánh giá hậu quả của các tương tác số còn đang hình thành. UNICEF (2022) nhấn mạnh rằng việc bảo vệ trẻ em trên môi trường số cần được thực hiện đồng thời với việc phát triển năng lực để trẻ có thể sử dụng công nghệ một cách chủ động và an toàn.

Nội dung giáo dục kỹ năng sống số an toàn có thể tập trung vào năm nhóm cơ bản: (1) bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư; (2) nhận diện và phòng tránh nguy cơ trực tuyến; (3) giao tiếp, ứng xử văn minh và phòng ngừa bắt nạt mạng; (4) quản lý thời gian và thói quen sử dụng thiết bị số; và (5) tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp rủi ro. Việc giáo dục cần được tổ chức thông qua các môn học, Hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chuyên đề, xử lý tình huống và sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình.

2.2. Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tiểu học

Quản lý giáo dục trong nhà trường là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của chủ thể quản lý nhằm huy động và phối hợp các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục. Bush (2020) cho rằng quản lý và lãnh đạo giáo dục có ý nghĩa quyết định đối với việc chuyển hóa mục tiêu, chính sách giáo dục thành hoạt động thực tiễn của nhà trường. Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò quản lý càng trở nên quan trọng bởi việc ứng dụng công nghệ không chỉ liên quan đến hạ tầng và thiết bị mà còn đòi hỏi cơ chế quản trị, năng lực của giáo viên và các điều kiện bảo đảm an toàn cho người học. UNESCO (2023) cũng xác định quản trị, quy định phù hợp và năng lực giáo viên là những điều kiện quan trọng để công nghệ phát huy hiệu quả trong giáo dục.

Trên cơ sở đó, quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tiểu học có thể được hiểu là quá trình cán bộ quản lý nhà trường thực hiện các tác động có mục tiêu và có hệ thống nhằm lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục, qua đó giúp học sinh hình thành khả năng sử dụng môi trường số an toàn, có trách nhiệm và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. Hoạt động quản lý này cần gắn với yêu cầu phát triển năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, đồng thời phải được tích hợp vào kế hoạch giáo dục chung của nhà trường thay vì triển khai dưới dạng các hoạt động tuyên truyền rời rạc.

Nội dung quản lý có thể tiếp cận theo bốn chức năng cơ bản. Thứ nhất, lập kế hoạch bao gồm khảo sát nhu cầu và nguy cơ số của học sinh, xác định mục tiêu, nội dung, hình thức, lực lượng tham gia, nguồn lực và tiêu chí đánh giá. Thứ hai, tổ chức thực hiện tập trung vào phân công nhiệm vụ, tích hợp nội dung an toàn số vào môn học và Hoạt động trải nghiệm, tổ chức chuyên đề, chuẩn bị học liệu và phối hợp với cha mẹ học sinh. Thứ ba, chỉ đạo thực hiện bao gồm hướng dẫn chuyên môn, bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên, theo dõi tiến độ, hỗ trợ xử lý tình huống và điều chỉnh hoạt động khi cần thiết. Thứ tư, kiểm tra và đánh giá nhằm xác định mức độ thực hiện kế hoạch, sự thay đổi trong nhận thức và hành vi của học sinh, đồng thời sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động giáo dục.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục

Trước hết, nhận thức và năng lực quản lý của cán bộ quản lý là yếu tố có vai trò định hướng. Cán bộ quản lý cần nhận thức đầy đủ các nguy

cơ mà học sinh có thể gặp trong môi trường số, đồng thời có khả năng xây dựng kế hoạch, huy động nguồn lực, tổ chức phối hợp và chỉ đạo giáo viên triển khai các hoạt động phù hợp. UNESCO (2023) cho rằng hiệu quả ứng dụng công nghệ trong giáo dục phụ thuộc không chỉ vào thiết bị mà còn vào năng lực quản trị, quy định, điều kiện tổ chức và năng lực của đội ngũ. Vì vậy, nếu nhà trường chỉ chú trọng đầu tư công nghệ mà thiếu cơ chế quản lý an toàn số thì hiệu quả giáo dục khó được bảo đảm.

Thứ hai, năng lực số và năng lực sư phạm của giáo viên ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tổ chức giáo dục. Giáo viên không chỉ cần biết sử dụng công nghệ mà còn phải có khả năng nhận diện rủi ro, hướng dẫn học sinh xử lý tình huống, bảo vệ quyền riêng tư và hình thành hành vi số có trách nhiệm. UNICEF (2022) nhấn mạnh rằng quá trình số hóa giáo dục cần đặt bảo vệ trẻ em như một yêu cầu xuyên suốt, đồng thời nâng cao khả năng của các chủ thể giáo dục trong việc phòng ngừa và ứng phó với những nguy cơ phát sinh từ môi trường số.

Thứ ba, sự phối hợp của gia đình và đặc điểm sử dụng công nghệ của học sinh có ảnh hưởng đáng kể. Phần lớn hoạt động sử dụng thiết bị số của học sinh diễn ra ngoài phạm vi nhà trường, vì vậy việc hình thành kỹ năng sống số an toàn khó đạt hiệu quả nếu thiếu sự thống nhất giữa giáo viên và cha mẹ. OECD (2023) cho thấy cha mẹ có vai trò quan trọng trong phát triển kỹ năng số của trẻ; hình thức đồng hành, hướng dẫn và hỗ trợ tích cực có thể giúp trẻ khai thác cơ hội số đồng thời chủ động tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp khó khăn.

Cuối cùng, hạ tầng công nghệ, học liệu, cơ chế chính sách và đặc điểm của môi trường số cũng tạo ra những điều kiện hoặc thách thức đối với công tác quản lý. Các nguy cơ đối với trẻ em ngày càng đa dạng, bao gồm rủi ro về nội dung, tiếp xúc, hành vi, tiêu dùng, quyền riêng tư và sức khỏe (OECD, 2021). Vì vậy, quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cần được tiếp cận theo hướng tổng thể, kết hợp giữa năng lực quản lý của nhà trường, năng lực giáo viên, sự phối hợp gia đình – nhà trường và các điều kiện bảo đảm của môi trường giáo dục số.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm đánh giá thực trạng giáo dục và quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn. Khách thể khảo sát gồm 5 cán bộ quản lý, 35 giáo viên và 120 học sinh lớp 4, lớp 5, với tổng số 160 người. Phiếu khảo sát dành cho cán bộ quản lý và giáo viên tập trung vào bốn nội dung quản lý gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá; đồng thời xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý. Phiếu dành cho học sinh tập trung vào mức độ nhận thức và thực hiện các kỹ năng sống số an toàn. Các nội dung được đánh giá theo thang Likert 5 mức. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả, bao gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình và độ lệch chuẩn; các nội dung được xếp hạng theo điểm trung bình để xác định những mặt mạnh và hạn chế trong thực tiễn quản lý.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn

Kết quả khảo sát 120 học sinh lớp 4 và lớp 5 cho thấy việc giáo dục kỹ năng sống số an toàn tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã được quan tâm và bước đầu hình thành cho học sinh những nhận thức, hành vi cần thiết khi tham gia môi trường số. Tuy nhiên, mức độ thực hiện giữa các nhóm kỹ năng chưa đồng đều.

Bảng 1. Thực trạng giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
Bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư	3,89	0,67	1
Nhận diện và phòng tránh nguy cơ trực tuyến	3,57	0,72	4
Giao tiếp và ứng xử văn minh trên môi trường số	3,68	0,69	3
Quản lý thời gian và thói quen sử dụng thiết bị số	3,26	0,81	5
Tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp rủi ro trên môi trường số	**3,76**	**0,71**	**2**
ĐTB	**3,63**	**0,72**	

Kết quả Bảng 1 cho thấy kỹ năng sống số an toàn của học sinh đạt mức khá, với ĐTB chung 3,63/5. Trong đó, bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư được thực hiện tốt nhất (ĐTB = 3,89; ĐLC = 0,67), tiếp đến là tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp rủi ro (ĐTB = 3,76) và giao tiếp, ứng xử văn minh trên môi trường số (ĐTB = 3,68). Điều này cho thấy học sinh đã có nhận thức tương đối tốt về bảo mật thông tin, tìm kiếm sự trợ giúp và ứng xử phù hợp khi tham gia môi trường số.

Ngược lại, nhận diện và phòng tránh nguy cơ trực tuyến đạt ĐTB = 3,57, cho thấy khả năng phát hiện các liên kết, tài khoản hoặc nội dung đáng ngờ vẫn cần được củng cố. Đáng chú ý, quản lý thời gian và thói quen sử dụng thiết bị số có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,26; ĐLC = 0,81). Nhìn chung, nhà trường đã tạo được nền tảng về kỹ năng sống số an toàn, song cần tăng cường các hoạt động thực hành nhằm phát triển khả năng nhận diện rủi ro và tự kiểm soát việc sử dụng thiết bị số của học sinh.

4.2. Thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn

Để đánh giá mức độ thực hiện công tác quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, nghiên cứu tiến hành khảo sát cán bộ quản lý và giáo viên theo bốn chức năng cơ bản của quản lý giáo dục. Kết quả cụ thể được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng thực hiện các chức năng quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn

Nội dung quản lý	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống số an toàn	3,78	0,62	1
Tổ chức thực hiện kế hoạch	3,61	0,68	3
Chỉ đạo hoạt động giáo dục	3,70	0,65	2
Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện	3,34	0,76	4
ĐTB	**3,61**	**0,68**	

Kết quả Bảng 2 cho thấy công tác quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn tại nhà trường đạt mức khá, với ĐTB chung 3,61/5. Trong đó, lập kế hoạch được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,78), cho thấy nhà trường đã bước đầu quan tâm xác định mục tiêu, nội dung và phân công lực lượng thực hiện. Chỉ đạo hoạt động giáo dục xếp thứ hai (ĐTB = 3,70), phản ánh sự quan tâm của cán bộ quản lý trong hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên triển khai các nội dung liên quan đến an toàn số.

Tổ chức thực hiện đạt ĐTB = 3,61, cho thấy việc tích hợp nội dung vào môn học, Hoạt động trải nghiệm và phối hợp với cha mẹ học sinh đã được triển khai nhưng chưa thật sự đồng đều. Đáng chú ý, kiểm tra, đánh giá có điểm thấp nhất (ĐTB = 3,34; ĐLC = 0,76), cho thấy nhà trường còn thiếu các tiêu chí cụ thể để theo dõi sự tiến bộ của học sinh và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động. Như vậy, hạn chế chủ yếu không nằm ở việc xây dựng kế hoạch mà ở khả năng hình thành một chu trình quản lý khép kín từ tổ chức thực hiện đến kiểm tra, phản hồi và cải tiến.

4.3. Biện pháp quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn

Từ kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đã được quan tâm nhưng còn hạn chế ở khâu tổ chức thực hiện, kiểm tra – đánh giá và phát triển kỹ năng tự kiểm soát, nhận diện rủi ro của học sinh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống số an toàn theo từng khối lớp. Nhà trường cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời lượng, hình thức tổ chức và trách nhiệm của từng lực lượng tham gia; đồng thời cụ thể hóa các yêu cầu về bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện nguy cơ trực tuyến, ứng xử văn minh và quản lý thời gian sử dụng thiết bị số.

Thứ hai, nâng cao năng lực tổ chức giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho giáo viên. Nhà trường cần tăng cường bồi dưỡng giáo viên về nhận diện rủi ro số, phương pháp xử lý tình huống, tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng dẫn học sinh thực hành các kỹ năng an toàn trong môi trường số. Việc bồi dưỡng nên gắn với tình huống thực tế thay vì chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết.

Thứ ba, đa dạng hóa hình thức giáo dục theo hướng trải nghiệm và thực hành. Các nội dung giáo dục cần được tích hợp vào môn học, Hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chuyên đề và hoạt động đóng vai, xử lý tình huống. Đặc biệt, cần tăng cường các tình huống về đường liên kết lạ, tài khoản giả mạo, bắt nạt trực tuyến và kiểm soát thời gian sử dụng thiết bị.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh. Nhà trường cần thống nhất với phụ huynh về nguyên tắc sử dụng thiết bị số, thời gian truy cập Internet, bảo vệ thông tin cá nhân và cách xử lý khi học sinh gặp rủi ro. Việc phối hợp cần được duy trì thường xuyên thay vì chỉ thực hiện khi có sự cố.

Thứ năm, hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá và phản hồi. Nhà trường cần xây dựng bộ tiêu chí theo dõi sự tiến bộ của học sinh về nhận thức, thái độ và hành vi số an toàn; đồng thời sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp tổ chức giáo dục. Đây là biện pháp quan trọng nhằm hình thành chu trình quản lý liên tục và nâng cao tính bền vững của hoạt động giáo dục kỹ năng sống số an toàn.

V. KẾT LUẬN

Giáo dục kỹ năng sống số an toàn cho học sinh tiểu học là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, khi học sinh ngày càng tiếp cận sớm với Internet, thiết bị thông minh và các môi trường tương tác trực tuyến. Kết quả nghiên cứu tại Trường Tiểu học Lê Quý Đôn cho thấy kỹ năng sống số an toàn của học sinh đạt mức khá, với điểm trung bình chung 3,63/5. Trong đó, kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư được đánh giá cao nhất, trong khi quản lý thời gian và thói quen sử dụng thiết bị số còn hạn chế.

Công tác quản lý giáo dục kỹ năng sống số an toàn cũng đạt mức khá, với điểm trung bình chung 3,61/5. Lập kế hoạch là nội dung được thực hiện tốt nhất, trong khi kiểm tra, đánh giá có điểm thấp nhất, cho thấy quá trình quản lý chưa hình thành đầy đủ chu trình từ tổ chức thực hiện, theo dõi, phản hồi đến điều chỉnh hoạt động.

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất năm nhóm biện pháp gồm: hoàn thiện kế hoạch giáo dục theo từng khối lớp; nâng cao năng lực của giáo viên; đa dạng hóa hình thức giáo dục theo hướng trải nghiệm và thực hành; tăng cường phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá và phản hồi. Việc triển khai đồng bộ các biện pháp này có thể góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hình thành cho học sinh khả năng tự bảo vệ, ứng xử có trách nhiệm và sử dụng công nghệ an toàn trong môi trường số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

Bush, T. (2020). Theories of educational leadership and management (5th ed.). SAGE Publications.

Organisation for Economic Co-operation and Development. (2021). Children in the digital environment: Revised typology of risks (OECD Digital Economy Papers No. 302). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/9b8f222e-en

Organisation for Economic Co-operation and Development. (2023). What does child empowerment mean today? Implications for education and well-being. OECD Publishing.

UNICEF. (2022). Child online protection in and through digital learning: Considerations for decision-makers. United Nations Children's Fund.

UNESCO. (2023). Global education monitoring report 2023: Technology in education—A tool on whose terms? UNESCO.